
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAЕ ASSET WEALTH MANAGEMENT (VIỆT NAM)
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III/2015



**CÔNG TY C
PHN CHNG
KHOÁN
MIRAЕ
ASSET (VIT
NAM)**

Digitally signed by
CÔNG TY C PHN
CHNG KHOÁN
MIRAЕ ASSET
(VIT NAM)
Date: 2015.10.19
14:14:06 +07:00

MỤC LỤC

<u>NOI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7-8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 17

<

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

MẪU B 01-CTCK

Đơn vị: VND

31/12/2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		298,349,607,136	287,627,711,338
I. Tiền và các khoản tương đương	110	4	102,502,670,819	121,403,503,656
1. Tiền	111		50,802,670,819	41,301,003,656
2. Các khoản tương đương tiền	112		51,700,000,000	80,102,500,000
			-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	152,117,591,460	132,521,484,010
1. Đầu tư ngắn hạn	121		152,117,591,460	132,521,484,010
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130		42,591,837,763	32,881,802,718
1. Phải thu khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Phải thu hoạt động giao dịch	135		39,208,026,141	25,748,059,069
4. Các khoản phải thu khác	138	6	3,383,811,622	7,133,743,648
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,137,507,094	820,920,954
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	131			
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	132		1,028,099,381	742,800,908
3. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	157		1,189,157	6,449,897
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		108,218,556	71,670,150
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7,555,961,887	8,324,961,797
I. Tài sản cố định	220		2,968,196,293	4,093,654,784
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1,359,133,738	1,190,561,954
- Nguyên giá	222		13,403,322,242	12,683,144,366
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12,044,188,504)	(11,492,582,412)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	8	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	1,609,062,555	2,903,092,830
- Nguyên giá	228		7,521,375,340	7,521,375,340
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5,912,312,785)	(4,618,282,510)
4. Xây dựng cơ bản dở dang				
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		572,618,000	572,618,000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	572,618,000	572,618,000
III. Tài sản dài hạn khác	260		4,015,147,594	3,658,689,013
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,172,496,163	1,355,849,660
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263		2,106,970,104	1,567,158,026
3. Tài sản dài hạn khác	268	11	735,681,327	735,681,327
TỔNG TÀI SẢN	270		305,905,569,023	295,952,673,134

<

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

MẪU B 01-CTCK
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	MẪU B 01-CTCK	
			Đơn vị: VND	Đơn vị: VND
			30/09/2015	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		51,495,314,590	40,455,086,717
I. Nợ ngắn hạn	310		51,447,947,681	40,407,719,808
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả nhà cung cấp	312			62,940,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	251,655,278	407,268,958
4. Chi phí phải trả	316	12	924,152,536	1,334,426,713
5. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	13	50,191,541,840	38,425,579,888
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		80,598,026	177,504,249
II. Nợ dài hạn	330		47,366,909	47,366,909
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		47,366,909	47,366,909
B. VỐN GÓP CỔ ĐÔNG	400		254,410,254,434	255,497,586,416
I. Vốn góp cổ đông	410	15	254,410,254,434	255,497,586,416
1. Vốn điều lệ	411		300,000,000,000	300,000,000,000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		11,875,117	11,875,117
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		11,875,117	11,875,117
4. Lỗ lũy kế	420		(45,613,495,800)	(44,526,163,817)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		305,905,569,023	295,952,673,134


<	Mã số	30/09/2015 VNĐ	31/12/2014 VNĐ
Các chỉ tiêu ngoại bảng			
6. Chứng khoán lưu ký	6	9,143,956,540,000	8,758,440,270,000
<i>6.1. Chứng khoán giao dịch</i>	<i>7</i>	<i>9,138,273,610,000</i>	<i>8,754,334,670,000</i>
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	8	7,326,670,000	208,820,000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	9	195,282,000,000	295,016,880,000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	10	8,935,664,940,000	8,459,108,970,000
<i>6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	<i>11</i>	<i>151,000,000</i>	<i>151,000,000</i>
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	12		
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	13	151,000,000	151,000,000
6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	14		
<i>6.3. Chứng khoán cầm cố</i>	<i>15</i>	<i>45,000,000</i>	
6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	16	45,000,000	
<i>6.5. Chứng khoán chờ thanh toán</i>	<i>27</i>	<i>5,254,600,000</i>	<i>3,901,800,000</i>
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	28		
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	29	3,452,000,000	1,596,200,000
6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	30	1,802,600,000	2,305,600,000
<i>6.7. Chứng khoán chờ giao dịch</i>	<i>37</i>	<i>232,330,000</i>	<i>52,800,000</i>
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	39	18,370,000	90,000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		198,000,000	52,110,000
6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	40	15,960,000	600,000
<i>6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay</i>		<i>56,248,520,000</i>	<i>37,757,330,000</i>
6.8.2. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	42	56,248,520,000	37,757,330,000
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	50	5,860,390,000	6,068,600,000
<i>7.1. Chứng khoán giao dịch</i>		<i>5,860,390,000</i>	<i>6,068,600,000</i>
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	51	1,760,000	2,160,000

<

7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	52	2,782,730,000	2,992,760,000
7.1.3. Chứng khoán giao dịch khách hàng nước ngoài	53	3,075,900,000	3,073,680,000



Woo Young Ki
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 10 năm 2015



Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

MẪU B 02-CTCK
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Từ 01/07/2015 Đến 30/09/2015	Từ 01/07/2014 Đến 30/09/2014	Lũy kế từ đầu năm Năm 2015	đầu năm Năm 2014
1. Doanh thu gộp	1	8,611,137,224	7,161,850,488	23,953,508,170	21,859,655,102
Trong đó:					
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		1,795,188,780	1,853,664,286	4,790,661,459	5,665,825,741
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán		2,697,014,590	9,235,440	6,083,333,651	13,608,720
- Doanh thu hoạt động tư vấn		54,678,915		55,785,820	-
- Doanh thu hoạt động lưu ký		121,811,660	124,992,718	370,481,921	264,208,054
- Doanh thu khác		3,942,443,279	5,173,958,044	12,653,245,320	15,916,012,587
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	8,611,137,224	7,161,850,488	23,953,508,170	21,859,655,102
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	5,236,363,264	3,984,776,197	13,727,541,038	12,905,627,793
4. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20	3,374,773,960	3,177,074,291	10,225,967,132	8,954,027,309
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3,742,812,407	3,903,759,495	11,310,222,940	12,230,173,257
6. (Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(368,038,447)	(726,685,205)	(1,084,255,807)	(3,276,145,948)
7. Thu nhập khác	31	6,188	4,750	13,766	6,980,720
8. Chi phí khác	32	542,578	3,401,191	3,089,941	3,406,664
9. (Lỗ)/Lợi nhuận khác	40	(536,390)	(3,396,441)	(3,076,175)	3,574,056
10. (Lỗ)/lãi kế toán trước thuế	50	(368,574,837)	(730,081,646)	(1,087,331,982)	(3,272,571,892)
11. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	-	-	-	-
12. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	-	-	-	-
13. (Lỗ)/lãi sau thuế	60	(368,574,837)	(730,081,646)	(1,087,331,982)	(3,272,571,892)



Woo Young Ki
 Tổng Giám đốc
 Ngày 14 tháng 10 năm 2015

Ngô Thanh Thủy
 Kế toán trưởng

<

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015

MẪU B 03-CTCK
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			2015	2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		(1,087,331,982)	(3,272,571,892)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		1,845,636,371	1,722,258,541
- Các khoản dự phòng	3			(11,193,955)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(14,629,423,191)	(15,762,484,587)
- Chi phí lãi vay	6		102,313,389	179,954,409
- Chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		(13,768,805,414)	(17,144,037,484)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(15,084,875,987)	2,408,860,661
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		13,031,575,489	973,765,142
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(101,944,976)	(14,987,509)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(102,313,389)	(179,954,409)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(16,026,364,277)	(13,956,353,598)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(720,177,876)	(687,100,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, gửi tiền Ngân hàng	25		(19,105,473,435)	(60,416,373,140)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET WEALTH MANAGEMENT (VIỆT NAM)91 Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

<			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	697,053,830	101,658,863
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12,562,884,342	15,342,724,986
8. Lãi thu từ giao dịch ký quỹ	28	3,228,701,202	2,914,285,306
9. Lãi thu từ dịch vụ ứng trước	29	462,543,376	504,742,842
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2,874,468,561)	(42,240,061,143)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	100,243,000,000	63,730,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(100,243,000,000)	(57,030,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	6,700,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(18,900,832,837)	(49,496,414,741)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	121,403,503,656	150,115,053,286
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	102,502,670,819	100,618,638,545

**Woo Young Ki**
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 10 năm 2015

Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng

<
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-CTCK**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt nam)) (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 73/UBCK-GP ngày 18 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho mục đích báo cáo Quý.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm các khoản dư nợ giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán khách hàng và các khoản phải thu khác liên quan đến hoạt động chứng khoán

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải	4
Thiết bị văn phòng	4
Phần mềm	3-4

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo phương pháp giá trị hợp lý

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị nội thất văn phòng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	3,884,600	7,509,500
Tiền gửi ngân hàng	50,798,786,219	41,293,494,155
<i>Trong đó: Tiền của nhà đầu tư</i>	<i>50,191,541,839</i>	<i>38,425,579,559</i>
Các khoản tương đương tiền	51,700,000,000	80,102,500,000
	102,502,670,819	121,403,503,656

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/09/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền gửi Ngân hàng có thời gian đáo hạn trên 3 tháng	110,000,000,000	132,300,000,000
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	42,117,591,460	221,484,010
	152,117,591,460	132,521,484,010

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/09/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản lãi cộng dồn dự thu	3,232,658,056	6,916,051,597
Khác	151,153,567	217,692,051
	3,383,811,622	7,133,743,648

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU B 09-CTCK
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 31/12/2014	4,455,869,359	8,227,275,007	12,683,144,366
Tăng		720,177,876	720,177,876
Chuyển sang công cụ, thanh lý			
Tại ngày 30/09/2015	4,455,869,359	8,947,452,883	13,403,322,242
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 31/12/2014	4,455,869,359	7,036,713,053	11,342,626,846
Khấu hao trong năm		551,606,090	551,606,090
Giảm			
Tại ngày 30/09/2015	4,455,869,359	7,588,319,143	12,044,188,502
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014		1,190,561,954	1,190,561,954
Tại ngày 30/09/2015		1,359,133,740	1,359,133,740

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VNĐ
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 31/12/2014	7,521,375,340
Tăng	
Giảm	
Tại ngày 30/09/2015	7,521,375,340
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 31/12/2014	4,618,282,502
Khấu hao trong năm	1,294,030,275
Giảm	
Tại ngày 30/09/2015	5,912,312,773
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2014	2,903,092,838
Tại ngày 30/09/2015	1,609,062,567

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam), một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 411022000515 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 4 năm 2010. Giá gốc của khoản đầu tư là 572.618.000 đồng chiếm 14.99% vốn điều lệ cũng như quyền biểu quyết trong Công ty này. Khoản đầu tư này được hạch toán trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU B 09-CTCK
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	30/09/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Đặt cọc thuê văn phòng	735,431,327	735,431,327
Đặt cọc khác	250,000	250,000
	<u>735,681,327</u>	<u>735,681,327</u>

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/09/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp thu hộ	96,529,210	100,158,898
Thuế thu nhập cá nhân	91,611,409	170,287,586
Thuế thu nhập cá nhân đối với kinh doanh chứng khoán	63,514,658	94,250,063
Thuế GTGT		42,572,410
Thuế khác		42,572,410
	<u>251,655,278</u>	<u>407,268,958</u>

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/09/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Chi phí phải trả cho nhân viên	448,381,577	718,897,188
Phí kiểm toán	80,000,000	246,500,000
Phí giao dịch chứng khoán	151,121,581	206,578,658
Khác	244,649,378	162,450,868
	<u>924,152,536</u>	<u>1,334,426,715</u>

13. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán thể hiện khoản tiền gửi của khách hàng cho việc kinh doanh chứng khoán thông qua tài khoản ngân hàng của Công ty.

14. VỐN GÓP CỔ ĐÔNG

Thay đổi trong vốn góp cổ đông

	Vốn điều lệ <u>VND</u>	Lỗi lũy kế <u>VND</u>	Khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
Số dư tại ngày 31/12/2014	300,000,000,000	(44,526,163,818)	23,750,234	255,497,586,416
Lỗi trong kỳ	-	(1,087,331,982)	-	(1,087,331,982)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Số dư tại ngày 30/06/2015	<u>300,000,000,000</u>	<u>(45,613,495,801)</u>	<u>23,750,234</u>	<u>254,410,254,433</u>
---------------------------	------------------------	-------------------------	-------------------	------------------------

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty là 300.000.000.000 đồng. Vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ như sau:

	30/06/2015		31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Mirae Asset Securities (HK) Limited	147.000.000.000	49.0	147.000.000.000	49.0
P/E Investment Construction Joint Stock Company	135.900.000.000	45.3	135.900.000.000	45.3
Khác	17.100.000.000	5.7	17.100.000.000	5.7
	<u>300.000.000.000</u>	<u>100.0</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>100.0</u>

15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/07/2015 Đến 30/09/2015 VND	Từ 01/07/2014 Đến 30/09/2014 VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	(368,574,837)	(730,081,645)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	120,027,365	36,609,609
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trong kỳ	107,492,484	168,672,075

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% từ 2014 trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty được chuyển khoản lỗ lũy kế từ các năm trước

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015, Công ty có khoản lỗ lũy kế là (40,072,332,085) đồng có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ trên do Công ty không chắc chắn có đủ lợi nhuận trong tương lai.

16. SỐ LIỆU SO SÁNH

Từ 2015, Công ty thay đổi phương pháp đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán từ phương pháp giá gốc sang phương pháp giá trị hợp lý. Theo qui định, các khoản mục bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi này sẽ được áp dụng hồi tố và được trình bày trước và sau khi áp dụng như sau:

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2014 (Sau khi áp dụng hồi tố)	31/12/2014 (Theo báo cáo trước đây)
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	132,521,484,010	132,451,828,330
1. Đầu tư ngắn hạn	132,521,484,010	132,505,742,955
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(53,914,625)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET WEALTH MANAGEMENT (VIỆT NAM)

91 Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

I. Vốn góp cổ đông	255,497,586,417	255,427,930,737
1. Vốn điều lệ	300,000,000,000	300,000,000,000
2. Quỹ dự phòng tài chính	11,875,117	11,875,117
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11,875,117	11,875,117
4. Lỗ lũy kế	(44,526,163,817)	(44,595,819,497)



Ngày 14 tháng 10 năm 2015

Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng